



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HỒ TUYÊN DỤNG CÔNG CHỨC LOẠI C
NHNN NĂM 2023

KẾT QUẢ ĐIỂM THI VÒNG 1 VÀ LỊCH PHÒNG VẤN VÒNG 2 KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC LOẠI C
VÀO LÀM VIỆC TẠI CÁC ĐƠN VỊ THUỘC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC TRUNG ƯƠNG NĂM 2023

Vị trí Chuyên viên Hoạch định và thực thi chính sách tiền tệ, ngân hàng

Ghi chú:

Số câu hỏi phần thi Kiến thức chung là 60 câu; Số câu hỏi phần thi Tiếng Anh là 30 câu. Kết quả thi Vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi nói trên, thí sinh nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi tại Vòng 1 được thi tiếp Vòng 2. Theo đó, thí sinh có số câu trả lời đúng từ 30 câu trở lên đối với phần thi Kiến thức chung và từ 15 câu trở lên đối với phần thi Tiếng Anh sẽ tiếp tục dự thi Vòng 2 - Phòng vấn

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
			Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh	
		Bàn phỏng vấn 1 - Ca thi 1 từ 07h00 - 08h30 ngày 24/11/2023						
1	CSTT1001	Đinh Thị An		08-12-2000	CVHD và thực thi CSTT	40/60	28/30	Đạt
2	CSTT1005	Dương Quỳnh Anh		23-09-2000	CVHD và thực thi CSTT	41/60	29/30	Đạt
3	CSTT1007	Dương Văn Lan Anh		03-10-1991	CVHD và thực thi CSTT	43/60	24/30	Đạt
4	CSTT1009	Nguyễn Lan Anh		29-07-2000	CVHD và thực thi CSTT	35/60	24/30	Đạt
5	CSTT1011	Ninh Phan Anh	29-06-2000		CVHD và thực thi CSTT	42/60	28/30	Đạt
6	CSTT1012	Phạm Mai Anh		12-05-2001	CVHD và thực thi CSTT	41/60	23/30	Đạt
7	CSTT1013	Phạm Thị Phương Anh		27-05-2000	CVHD và thực thi CSTT	31/60	26/30	Đạt
8	CSTT1015	Trần Thị Mai Anh		02-02-2001	CVHD và thực thi CSTT	33/60	26/30	Đạt
		Bàn phỏng vấn 1 - Ca thi 2 từ 08h30 - 10h00 ngày 24/11/2023						
9	CSTT1016	Trịnh Khắc Anh	07-01-1997		CVHD và thực thi CSTT	41/60	Miễn	Đạt
10	CSTT1018	Vũ Thị Ngọc Ánh		29-06-1994	CVHD và thực thi CSTT	39/60	23/30	Đạt
11	CSTT1019	Trần Ngọc Bình	01-01-2000		CVHD và thực thi CSTT	37/60	27/30	Đạt
12	CSTT1020	Nguyễn Minh Châu		06-01-2001	CVHD và thực thi CSTT	47/60	26/30	Đạt
13	CSTT1021	Đinh Thị Hải Chi		28-07-1994	CVHD và thực thi CSTT	36/60	20/30	Đạt
14	CSTT1022	Lương Khánh Chi		14-02-2001	CVHD và thực thi CSTT	34/60	23/30	Đạt
15	CSTT1023	Nguyễn Quỳnh Chi		08-04-2001	CVHD và thực thi CSTT	50/60	Miễn	Đạt
16	CSTT1026	La Văn Công	25-06-1994		CVHD và thực thi CSTT	49/60	20/30	Đạt

2

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh	
		Bàn phỏng vấn 1 - Ca thi 3 từ 10h00 - 11h30 ngày 24/11/2023							
17	CSTT1027	Nguyễn Hồng	Diễm		03-12-2001	CVHD và thực thi CSTT	48/60	27/30	Đạt
18	CSTT1028	Mai Ngọc	Diệp		17-01-2001	CVHD và thực thi CSTT	30/60	23/30	Đạt
19	CSTT1029	Nguyễn Ngọc	Diệp		07-10-1992	CVHD và thực thi CSTT	41/60	Miễn	Đạt
20	CSTT1030	Phí Ngọc	Diệp	04-12-1994		CVHD và thực thi CSTT	43/60	22/30	Đạt
21	CSTT1031	Nguyễn Văn	Đồng	23-01-2000		CVHD và thực thi CSTT	36/60	24/30	Đạt
22	CSTT1032	Trịnh Thị Kim	Dung		23-09-1996	CVHD và thực thi CSTT	40/60	24/30	Đạt
23	CSTT1034	Lê Thuỳ	Dương		12-10-2001	CVHD và thực thi CSTT	39/60	26/30	Đạt
24	CSTT1036	Vũ Hoàng	Duy	17-10-1999		CVHD và thực thi CSTT	51/60	27/30	Đạt
		Bàn phỏng vấn 1 - Ca thi 4 từ 13h00 - 14h30 ngày 24/11/2023							
25	CSTT1037	Bá Thị Khánh	Duyên		26-09-2000	CVHD và thực thi CSTT	40/60	23/30	Đạt
26	CSTT1039	Cao Hoàng Ngọc	Hà		13-02-1994	CVHD và thực thi CSTT	39/60	20/30	Đạt
27	CSTT1041	Hoàng Thị Thu	Hà		29-03-1993	CVHD và thực thi CSTT	34/60	16/30	Đạt
28	CSTT1044	Nguyễn Thu	Hà		01-12-2001	CVHD và thực thi CSTT	46/60	27/30	Đạt
29	CSTT1045	Vũ Việt	Hà		06-10-1998	CVHD và thực thi CSTT	32/60	27/30	Đạt
30	CSTT1046	Lê Thị	Hải		25-11-1994	CVHD và thực thi CSTT	37/60	25/30	Đạt
31	CSTT1047	Chữ Thu	Hằng		08-03-1996	CVHD và thực thi CSTT	42/60	Miễn	Đạt
32	CSTT1049	Nguyễn Thị	Hậu		20-08-1999	CVHD và thực thi CSTT	35/60	19/30	Đạt
		Bàn phỏng vấn 1 - Ca thi 5 từ 14h30 - 16h00 ngày 24/11/2023							
33	CSTT1050	Đàm Thu	Hiền		27-11-2001	CVHD và thực thi CSTT	47/60	19/30	Đạt
34	CSTT1052	Lâm Thị Mỹ	Hoa		17-07-1996	CVHD và thực thi CSTT	33/60	20/30	Đạt
35	CSTT1054	Trịnh Hiền	Hoà		29-10-2001	CVHD và thực thi CSTT	31/60	24/30	Đạt
36	CSTT1057	Trương Việt	Hoàng	19-12-2001		CVHD và thực thi CSTT	36/60	26/30	Đạt
37	CSTT1058	Nguyễn Duy	Hùng	10-06-2000		CVHD và thực thi CSTT	44/60	30/30	Đạt
38	CSTT1059	Nguyễn Khoa	Hưng	23-07-2000		CVHD và thực thi CSTT	34/60	26/30	Đạt
39	CSTT1061	Dương Thị Thu	Hương		21-02-2001	CVHD và thực thi CSTT	43/60	24/30	Đạt
40	CSTT1062	Phạm Ngọc Lan	Hương		18-04-1999	CVHD và thực thi CSTT	32/60	Miễn	Đạt

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh	
Bàn phỏng vấn 1 - Ca thi 6 từ 16h00 - 17h30 ngày 24/11/2023									
41	CSTT1063	Vũ Quang	Huy	23-07-1995		CVHD và thực thi CSTT	46/60	21/30	Đạt
42	CSTT1065	Nguyễn Khánh	Huyền		30-07-2000	CVHD và thực thi CSTT	44/60	27/30	Đạt
43	CSTT1066	Trần Hồng	Khánh		12-04-2001	CVHD và thực thi CSTT	38/60	26/30	Đạt
44	CSTT1068	Nguyễn Văn	Lâm	23-02-1991		CVHD và thực thi CSTT	51/60	27/30	Đạt
45	CSTT1069	Vũ Thị Phương	Lan		24-01-1994	CVHD và thực thi CSTT	33/60	16/30	Đạt
46	CSTT1073	Nguyễn Đặng Thuý	Linh		31-01-2001	CVHD và thực thi CSTT	35/60	Miễn	Đạt
47	CSTT1074	Nguyễn Khánh	Linh		21-08-1997	CVHD và thực thi CSTT	33/60	20/30	Đạt
48	CSTT1076	Nguyễn Phan Khánh	Linh		17-09-1998	CVHD và thực thi CSTT	33/60	26/30	Đạt
Bàn phỏng vấn 1 - Ca thi 1 từ 07h00 - 08h30 ngày 25/11/2023									
49	CSTT1079	Phan Thị Kim	Linh		27-02-1999	CVHD và thực thi CSTT	31/60	18/30	Đạt
50	CSTT1080	Trần Phan Thùy	Linh		19-10-2001	CVHD và thực thi CSTT	34/60	27/30	Đạt
51	CSTT1081	Trần Phương	Linh		14-03-2001	CVHD và thực thi CSTT	42/60	29/30	Đạt
52	CSTT1083	Vũ Hoàng Diệp	Linh		26-01-1999	CVHD và thực thi CSTT	43/60	27/30	Đạt
53	CSTT1084	Chu Thị Ngọc	Mai		11-05-2001	CVHD và thực thi CSTT	51/60	24/30	Đạt
54	CSTT1085	Đặng Thị	Mai		17-07-1996	CVHD và thực thi CSTT	37/60	24/30	Đạt
55	CSTT1086	Phạm Thị Ngọc	Mai		01-01-2001	CVHD và thực thi CSTT	34/60	26/30	Đạt
56	CSTT1089	Nguyễn Thị Hồng	Minh		27-03-1999	CVHD và thực thi CSTT	43/60	Miễn	Đạt
Bàn phỏng vấn 1 - Ca thi 2 từ 08h30 - 10h00 ngày 25/11/2023									
57	CSTT1090	Nguyễn Tuấn	Minh	29-08-1999		CVHD và thực thi CSTT	39/60	22/30	Đạt
58	CSTT1091	Trần Hồng	Minh		10-07-2001	CVHD và thực thi CSTT	39/60	27/30	Đạt
59	CSTT1092	Đỗ Trần Bảo	Ngân		04-11-2000	CVHD và thực thi CSTT	32/60	28/30	Đạt
60	CSTT1093	Nguyễn Hoàng	Ngân		06-09-2000	CVHD và thực thi CSTT	43/60	19/30	Đạt
61	CSTT1094	Nguyễn Thị Thuý	Ngân		11-09-2001	CVHD và thực thi CSTT	49/60	22/30	Đạt
62	CSTT1095	Lê Minh	Ngọc		26-10-2000	CVHD và thực thi CSTT	35/60	Miễn	Đạt
63	CSTT1096	Nguyễn Thị Bích	Ngọc		02-08-1998	CVHD và thực thi CSTT	37/60	22/30	Đạt
64	CSTT1097	Phạm Nguyễn Bảo	Ngọc		10-12-1998	CVHD và thực thi CSTT	39/60	19/30	Đạt
65	CSTT1099	Nguyễn Phạm Tây	Nguyễn	26-12-1997		CVHD và thực thi CSTT	42/60	Miễn	Đạt

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh	
		Bàn phỏng vấn 1 - Ca thi 3 từ 10h00 - 11h30 ngày 25/11/2023							
66	CSTT1100	Đỗ Thị Hồng	Nhật		20-06-1997	CVHD và thực thi CSTT	49/60	19/30	Đạt
67	CSTT1101	Lê Thị Hồng	Nhung		19-12-2000	CVHD và thực thi CSTT	34/60	27/30	Đạt
68	CSTT1102	Nguyễn Hồng	Nhung		02-08-2001	CVHD và thực thi CSTT	42/60	22/30	Đạt
69	CSTT1103	Phạm Trang	Nhung		02-04-2001	CVHD và thực thi CSTT	45/60	26/30	Đạt
70	CSTT1105	Nguyễn Hà	Phương		12-03-2001	CVHD và thực thi CSTT	32/60	Miễn	Đạt
71	CSTT1106	Trần Minh	Phương		24-07-2001	CVHD và thực thi CSTT	33/60	25/30	Đạt
72	CSTT1107	Trần Hoàng	Quân	19-11-1999		CVHD và thực thi CSTT	42/60	25/30	Đạt
73	CSTT1109	Bùi Thị Hương	Quỳnh		04-05-1996	CVHD và thực thi CSTT	40/60	20/30	Đạt
		Bàn phỏng vấn 1 - Ca thi 4 từ 13h00 - 14h30 ngày 25/11/2023							
74	CSTT1110	Lê Thuý	Quỳnh		26-07-2000	CVHD và thực thi CSTT	38/60	21/30	Đạt
75	CSTT1111	Nguyễn Thị Như	Quỳnh		29-11-2001	CVHD và thực thi CSTT	32/60	28/30	Đạt
76	CSTT1112	Lê Minh	Tâm	28-10-2001		CVHD và thực thi CSTT	41/60	27/30	Đạt
77	CSTT1113	Nguyễn Thị Thu	Thanh		14-09-1997	CVHD và thực thi CSTT	37/60	24/30	Đạt
78	CSTT1114	Nguyễn Phương	Thảo		01-09-2001	CVHD và thực thi CSTT	34/60	28/30	Đạt
79	CSTT1115	Phan Phương	Thảo		26-01-2001	CVHD và thực thi CSTT	34/60	25/30	Đạt
80	CSTT1116	Khuất Minh	Thu		29-08-1998	CVHD và thực thi CSTT	34/60	Miễn	Đạt
81	CSTT1118	Lê Hồng	Thuý		11-01-2001	CVHD và thực thi CSTT	31/60	22/30	Đạt
		Bàn phỏng vấn 1 - Ca thi 5 từ 14h30 - 16h00 ngày 25/11/2023							
82	CSTT1119	Đặng Thị Thu	Thúy		20-07-2000	CVHD và thực thi CSTT	33/60	22/30	Đạt
83	CSTT1120	Vũ Thị Thanh	Thúy		29-12-1997	CVHD và thực thi CSTT	53/60	24/30	Đạt
84	CSTT1122	Nguyễn Thị Thùy	Trâm		09-11-1999	CVHD và thực thi CSTT	41/60	28/30	Đạt
85	CSTT1124	Chu Phương	Trang		29-11-1999	CVHD và thực thi CSTT	53/60	27/30	Đạt
86	CSTT1126	Lê Huyền	Trang		09-07-2001	CVHD và thực thi CSTT	37/60	25/30	Đạt
87	CSTT1127	Ngô Thu	Trang		07-09-1993	CVHD và thực thi CSTT	42/60	17/30	Đạt
88	CSTT1129	Trần Phương	Trang		30-09-2000	CVHD và thực thi CSTT	42/60	24/30	Đạt
89	CSTT1130	Vô Thuý	Trang		05-02-1995	CVHD và thực thi CSTT	48/60	26/30	Đạt

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh	
		Bàn phòng văn 1 - Ca thi 6 từ 16h00 - 17h30 ngày 25/11/2023							
90	CSTT1133	Đào Thị Kiều	Trình		22-02-1999	CVHD và thực thi CSTT	40/60	24/30	Đạt
91	CSTT1134	Lê Hồ Kiều	Trình		21-11-1999	CVHD và thực thi CSTT	42/60	23/30	Đạt
92	CSTT1135	Lê Ngọc	Tuấn	18-10-1999		CVHD và thực thi CSTT	45/60	24/30	Đạt
93	CSTT1136	Nguyễn Thành	Tuấn	13-01-2001		CVHD và thực thi CSTT	41/60	28/30	Đạt
94	CSTT1138	Đoàn Thị Thu	Uyên		06-01-1999	CVHD và thực thi CSTT	35/60	28/30	Đạt
95	CSTT1140	Trương Thị Hải	Vân		21-12-2001	CVHD và thực thi CSTT	47/60	24/30	Đạt
96	CSTT1141	Vũ Thị Thanh	Vân		09-02-2001	CVHD và thực thi CSTT	39/60	27/30	Đạt
97	CSTT1143	Nguyễn Hà	Vy		30-10-2001	CVHD và thực thi CSTT	43/60	24/30	Đạt
98	CSTT1144	Nguyễn Thị Hồng	Xoan		11-01-1995	CVHD và thực thi CSTT	52/60	22/30	Đạt
	Thí sinh không đủ điều kiện dự thi Vòng 2								
99	CSTT1006	Dương Thái	Anh	17-11-1998		CVHD và thực thi CSTT	27/60		Không đạt
100	CSTT1010	Nguyễn Thị Minh	Anh		12-12-2001	CVHD và thực thi CSTT	30/60	13/30	Không đạt
101	CSTT1014	Phan Tường	Anh		12-10-2001	CVHD và thực thi CSTT	26/60		Không đạt
102	CSTT1024	Phan Thị Lan	Chi		27-05-2000	CVHD và thực thi CSTT	27/60		Không đạt
103	CSTT1042	Lê Ngân	Hà		11-11-1996	CVHD và thực thi CSTT	40/60	14/30	Không đạt
104	CSTT1075	Nguyễn Ngọc Thảo	Linh		22-09-1995	CVHD và thực thi CSTT	33/60	14/30	Không đạt
105	CSTT1087	Nguyễn Thị Trà	Mi		10-03-2000	CVHD và thực thi CSTT	24/60	19/30	Không đạt
106	CSTT1098	Trần Nguyễn Hồng	Ngọc		16-08-1999	CVHD và thực thi CSTT	26/60	19/30	Không đạt
107	CSTT1128	Nguyễn Minh Hạnh	Trang		15-06-2001	CVHD và thực thi CSTT	32/60	13/30	Không đạt
108	CSTT1002	Đỗ Lê Thu	An		21-09-2001	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
109	CSTT1003	Bùi Phương	Anh		01-03-1996	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
110	CSTT1004	Đỗ Thị Minh	Anh		05-09-2001	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
111	CSTT1008	Lưu Thị Kim	Anh		23-03-2000	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
112	CSTT1017	Võ Việt	Anh	03-08-1997		CVHD và thực thi CSTT			Vắng

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
			Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh	
113	CSTT1025	Nguyễn Thị Chung		19-07-2000	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
114	CSTT1033	Vũ Mỹ Dung		06-03-1994	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
115	CSTT1035	Nguyễn Tiến Dương	09-08-1998		CVHD và thực thi CSTT			Vắng
116	CSTT1038	Nguyễn Hương Giang		27-01-2001	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
117	CSTT1040	Đỗ Thanh Hà		11-12-1999	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
118	CSTT1043	Lê Thu Hà		13-03-1997	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
119	CSTT1048	Mai Vi Hào		23-02-1992	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
120	CSTT1051	Nguyễn Thị Thu Hiền		12-06-1995	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
121	CSTT1053	Nguyễn Thị Hoa		28-12-2000	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
122	CSTT1055	Đoàn Thị Nhật Hoàn		27-05-2001	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
123	CSTT1056	Nguyễn Minh Hoàng	05-07-2000		CVHD và thực thi CSTT			Vắng
124	CSTT1060	Nguyễn Quốc Hưng	15-09-1995		CVHD và thực thi CSTT			Vắng
125	CSTT1064	Hoàng Thanh Huyền		26-10-1999	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
126	CSTT1067	Bùi Duy Khoa	04-09-1996		CVHD và thực thi CSTT			Vắng
127	CSTT1070	Đậu Hoàng Linh		30-08-1998	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
128	CSTT1071	Dương Thùy Linh		08-11-2001	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
129	CSTT1072	Lưu Ngọc Linh		25-09-2000	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
130	CSTT1077	Nguyễn Tùng Linh		29-07-1989	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
131	CSTT1078	Phạm Khánh Linh		08-02-2001	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
132	CSTT1082	Trương Ngọc Huyền Linh		16-08-2001	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
133	CSTT1088	Đinh Thị Minh		24-04-1993	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
134	CSTT1104	Bùi Thị Bích Phương		04-02-1993	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
135	CSTT1108	Lê Thị Quý		27-09-1995	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
136	CSTT1117	Đặng Anh Thư		07-02-1998	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
137	CSTT1121	Trần Thủy Tiên		16-04-1995	CVHD và thực thi CSTT			Vắng

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
			Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh	
138	CSTT1123	Bùi Thu Trang		12-02-1999	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
139	CSTT1125	Hoàng Thị Trang		19-05-1997	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
140	CSTT1131	Vũ Huyền Trang		15-10-1996	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
141	CSTT1132	Vương Thị Quỳnh Trang		12-11-2000	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
142	CSTT1137	Đỗ Mạnh Tùng	04-01-1995		CVHD và thực thi CSTT			Vắng
143	CSTT1139	Phạm Thị Thanh Vân		27-04-1996	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
144	CSTT1142	Hà Nguyên Vũ	21-10-1996		CVHD và thực thi CSTT			Vắng

y